

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-6-2020

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Phan Thị Cẩm.

2. Bà Võ Thị Thúy An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Danh Thị G, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Danh Thị G - Ông Trần Hữu P Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Lâm Thái V, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Danh Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông V chung sống năm 2010, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, ông V thường uống rượu quây, đánh đập hành hạ bà G, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên bà G yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà G xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con tên là Danh Lâm Thái L, sinh ngày 04/8/2013 (nam), Danh Lâm Thị Tường V, sinh

ngày 12/01/2016 (nữ) hiện 02 con đang sống chung với bà G. Nay ly hôn bà G yêu cầu được nuôi 02 con không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà G xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà G xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Lâm Thái V để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà G cũng như tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông V không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà G có ý kiến trình bày: Bà G chung sống với ông V từ năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn, từ khi chung sống với ông V bà G bị thường bị ông V đánh đập, đe dọa nên từ đó bà G đã sống ly thân với ông V. Nay bà G xác định không còn tình cảm với ông V nên xin được ly hôn đề nghị Tòa án tuyên bố áp dụng Điều 5, Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận bà G và ông V là vợ chồng.

Trong quá trình chung sống bà G và ông V có được người con chung là cháu Danh Lâm Thái L, sinh ngày 04/8/2013 (nam), Danh Lâm Thị Tường V, sinh ngày 12/01/2016 (nữ) hiện 02 con đang sống chung với bà G. Nay ly hôn bà G yêu cầu được nuôi 02 con không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị HĐXX chấp nhận giao 02 cháu cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông V là đúng quy định.

Xét thấy, bà G và ông V có đủ các điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định khi chung sống là không phù hợp với quy định của pháp luật nên vi phạm quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân gia đình để giải quyết hôn nhân của ông, bà. Bà G và ông V không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó đề nghị không công nhận bà G và ông V là vợ chồng.

Về con chung: đề nghị giao cháu Danh Lâm Thái L, sinh ngày 04/8/2013 (nam), Danh Lâm Thị Tường V, sinh ngày 12/01/2016 (nữ) cho bà G được tiếp tục nuôi, ông V

không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà G không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn Ông Lâm Thái V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông V không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông V.

Nguyên đơn bà G yêu cầu ly hôn với bị đơn ông V và có yêu cầu nuôi con chung và ông Lâm Thái V là bị đơn hiện đang cư trú tại ấp V, xã P, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Bà G và ông V bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2010, ông bà chung sống là tự nguyện và không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống ông, bà không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay ông, bà xảy ra mâu thuẫn nên bà G xin ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà G và ông V.

[2.2] *Về con chung:* Bà G xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con tên Danh Lâm Thái L, sinh ngày 04/8/2013 (nam), Danh Lâm Thị Tường V, sinh ngày 12/01/2016 (nữ) các con hiện đang sống chung với bà G, bà G yêu cầu được tiếp tục nuôi các con không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay bà G là người trực tiếp nuôi các con, cuộc sống của con được đảm bảo, chính quyền địa phương xác nhận bà G có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 (*quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình

2014, giao cháu Danh Lâm Thái L, sinh ngày 04/8/2013 (nam), Danh Lâm Thị Tường V, sinh ngày 12/01/2016 (nữ) cho bà G là người trực tiếp nuôi dưỡng (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*). Ông V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà G xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] *Nợ chung*: Bà G xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà G là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, bà G chịu toàn bộ, nhưng do gia đình bà G thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 5, Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Danh Thị G và ông Lâm Thái V.

2 - Về con chung: Giao cháu Danh Lâm Thái L, sinh ngày 04/8/2013 (nam), Danh Lâm Thị Tường V, sinh ngày 12/01/2016 (nữ) cho bà G là người trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*). Ông V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3 - Về tài sản chung và nợ chung: Bà G xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 - Án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm bà Danh Thị G chịu 300.000đ, nhưng do gia đình bà G thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí.

5 - Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/6/2020). Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Thị Kiều Diễm
(Đã ký)